TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG
Bản án số: 47/2017/HSST
Ngày 10 tháng 11 năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thọ.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Tiến Hóa;

Ông Lưu Ngọc Khoa;

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên toà: Ông Hoàng Thanh Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông. TAND huyện Tuy Đức tiến hành mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2017/HSST ngày 26/10/2017 đối với bị cáo:

Đoàn Văn Đ; sinh năm: 1968; Tại: Vương quốc Campuchia; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Con ông Đoàn Văn C và con bà Nguyễn Thị L (Đều đã chết); Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Thu V, sinh năm: 1970 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2010 đến ngày 25/5/2010 được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức cho Bảo lĩnh rồi bỏ trốn. Ngày 25/7/2017 bị cáo ra đầu thú tại Công an huyện Tuy Đức và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Hiện tạm giam – Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Điểu T; Sinh năm: 1967; Địa chỉ: Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng:

1. Đoàn Thị D; Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước – Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Xuân H; Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước – Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng P; Sinh năm: 1981; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 12/2009, Hoàng P có thuê đất của ông Điểu T (Trú tại Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông) khoảng 06 ha đất rừng tại lô 12, khoảnh 11, tiểu khu 1541 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Q quản lý (Nay thuộc Lô 14, Khoảnh 8 và Lô 2 Khoảnh 9, Tiểu khu 1541 do Uỷ ban nhân dân huyện T,tỉnh Đăk Nông quản lý) thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông với mục đích chặt phá cây rừng để lấy đất trồng mì nhưng do không có điều kiện để chặt phá cây rừng nên Hoàng P cho thuê lại để thu lợi nhuận.

Vào khoảng đầu tháng 02/2010, Đoàn Thị D đến nhà Hoàng P để thuê lại diện tích đất rừng trên với mục đích phát hạ cây rừng lấy đất trồng mì (Hoàng P biết diện tích đất trên được Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q quản lý) thì P đồng ý cho D thuê lại với giá 37.000.000 đồng/10ha, D đặt cọc trước số tiền 8.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận khi nào D chặt phá xong cây rừng thì P vào nghiệm thu diện tích đất rừng đã bị chặt phá và lấy hết số tiền còn lại. Sau khi thuê được đất rừng thì D đã thuê Đoàn Văn Đ (anh ruột của D) cùng Nguyễn Xuân H (con trai của D) đi vào khu đất rừng đã thuê của P chặt phá cây rừng trái phép để lấy đất trồng mì đến ngày 21/02/2010, Đ cùng H bắt đầu chặt phá cây rừng trái phép trên diện tích đất mà D đã thuê của P; Đ dùng dao phát (dao rựa) chặt những thân cây có đường kính nhỏ dưới 20cm và những cây có thân dây leo xen kẻ cây lồ ô, H ngoài dùng dao phát (dao rựa) chặt phá những cây rừng có đường kính nhỏ dưới 20cm và những cây có thân dây leo, cây lồ ô thì H còn dùng máy cưa xăng cưa hạ những cây có đường kính lớn trên 20cm, Đ và H liên tục chặt phá cây rừng trong vòng 05 ngày được diện tích 2,33ha. Đến ngày 25/02/2010, Đ và H tiếp tục chặt phá cây rừng trái phép thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật và chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định ngày 03/3/2010 do Giám định viên Trần Đình H thuộc Hạt kiểm lâm huyện T, tỉnh Đăk Nông, kết luận như sau: Diện tích rừng tại lô 12, khoảnh 11, tiểu khu 1541 bị thiệt hại 2,33ha; mức độ thiệt hại: 100%; Loại rừng: Rừng sản xuất; Trạng thái rừng: thuộc trạng thái rừng lô ô sen gỗ; Toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá là rừng tự nhiên tập trung một dải không phải là rừng bị chặt phá từng ô phân tán; giá trị thiệt hại về lâm sản quy thành tiền là 6.176.500 đồng.

Tại bản kết luận giám định bổ sung ngày 20/9/2017 do giám định viên Trịnh Đình Q thuộc Hạt kiểm lâm huyện T, tỉnh Đăk Nông kết luận như sau:

Không có cơ sở căn cứ pháp lý để tính giá trị thiệt hại về môi trường vào thời điểm rừng bị hủy hoại.

Vật chứng của vụ án và phần bồi thường dân sự: Đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2012/HSST ngày 26/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức và bản án hình sự phúc thẩm số 85/2012/HSPT ngày 29/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông nên không đề cập vấn đề xử lý.

Tại cáo trạng số: 44/Ctr – VKS ngày 26/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông truy tố bị cáo Đoàn Văn Đ về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm a khoản 3 Điều 189 – Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đoàn Văn Đ thừa nhận thực hiện những hành vi như nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù biết vi phạm pháp luật nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn phải đi làm thuê nên đã có hành vi cùng Nguyễn Xuân H chặt phá 2,33ha rừng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" theo điểm a khoản 3 Điều 189 – Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện viện kiểm sát sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, chứng minh hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn Đ, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Đ từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

- Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2012/HSST ngày 26/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức và bản án hình sự phúc thẩm số 85/2012/HSPT ngày 29/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Phần tranh luận bị cáo Đoàn Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải và xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng, quá trình điều tra, truy tố và xét xử không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng vì vậy các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Như vậy, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phải đi làm thuê để kiếm sống mà bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật về bảo vệ rừng, nên trong khoảng thời gian từ ngày 21/02/2010 đến ngày 25/02/2010, tại khu vực rừng thuộc lô 12 khoảnh 11, tiểu khu 1541 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Q quản lý (Nay thuộc lô 14, khoảnh 8 và lô 2, khoảnh 9, tiểu khu 1541 do Uỷ ban nhân dân huyện T, tỉnh Đăk Nông quản lý) thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông. Đoàn Văn Đ cùng Nguyễn Xuân H đã có hành vi dùng dao phát (dao rựa) và máy cưa xăng chặt phá trái phép 2,33 ha rừng sản xuất để lấy đất làm rẫy (Mức độ thiệt hại: 100%; Loại rừng: Rừng sản xuất; Trạng thái rừng: thuộc trạng thái rừng lô ô sen gỗ; Toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá là rừng tự nhiên tập trung một dải không phải là rừng bị chặt phá từng ô phân tán); giá trị thiệt hại về lâm sản quy thành tiền là 6.176.500 đồng (Sáu triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 17 của Nghị Đinh: 99/2009/NĐ – CP ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thì hành vi chặt phá trái phép 2,33 ha rừng sản xuất của bị cáo Đoàn Văn Đ để lấy đất làm nương rẫy đã vượt mức tối đa xử phạt hành chính nên chuyển xử lý hình sự đối với bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

Căn cứ vào điểm a, tiểu mục 3.6, mục 4 Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT – BNNPTNT – BTP – BCA – VKSNDTC – TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thì Đoàn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về tình tiết định khung "Hủy hoại diện tích rừng đặc biệt lớn" quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Đoàn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" do vậy việc TAND huyện Tuy Đức đưa bị cáo ra xét xử về hình sự ngày hôm nay theo điểm a khoản 3 Điều 189 - BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 189 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

…

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Hủy hoại diện tích rừng đặc biệt lớn;

…

Căn cứ Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 30 tháng 6 năm 2016 về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015; Luật số 12/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 thì hình phạt đối với bị cáo Đoàn Văn Đ được áp dụng theo điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, về tội "Hủy hoại rừng", do mức cao nhất của khung hình phạt tù nhẹ hơn khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại điểm b khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 (Đã sửa đổi) quy định như sau:

"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

…

b) Rừng sản xuất có diện tích từ trên 5.000 mét vuông (m2) đến dưới 10.000 mét vuông (m2);

…

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

…

đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m2) đến dưới 50.000 mét vuông (m2);

…

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong giai đoạn điều tra bị cáo đã cùng với Đoàn Thị D và Nguyễn Xuân H bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Q với số tiền là 6.176.500 đồng; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trong thời gian bị truy nã bị cáo đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 – Bộ luật hình sự, HĐXX sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái, xâm hại đến sự ổn định bền vững của môi trường, gây ra những hậu quả không lường trước được cho môi trường sinh thái. Hiện nay tình trạng chặt phá rừng trên địa bàn huyện T, tỉnh Đăk Nông nói riêng và các tỉnh miền núi trên cả nước nói chung ngày một tăng, đặc biệt tại địa bàn huyện T, tỉnh Đăk Nông hiện có nhiều đối tượng từ các địa bàn tỉnh khác sang phá và lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy. Các cơ quan chức năng đã xử lý nghiêm khắc với loại tội phạm này nhưng hành vi hủy hoại rừng vẫn liên tục tiếp diễn. Tuy nhiên trước khi phạm tội bị cáo là người dân làm ăn lương thiện, chưa có tiền án, tiền sự; nguyên nhân của việc phạm tội là do hoàn cảnh kinh tế của bị cáo quá khó khăn nên phải đi phá rừng thuê để nuôi sống gia đình, mặt khác nhận thức pháp luật của bị cáo còn có phần hạn chế nên không biết rõ hành vi của mình bị pháp luật xử lý nghiêm. Từ những phân tích nêu trên HĐXX xét thấy cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện tính khoan hồng nhân đạo của pháp luật, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian cải tạo và trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội sau này.

Trong vụ án này bị cáo cùng Nguyễn Xuân H có hành vi hủy hoại 2,33 ha (23.300m2) rừng sản xuất (việc hủy hoại rừng là do Đoàn Thị D thuê). Vì vậy cần căn cứ vào Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 3 Điều 7 – BLHS năm 2015 và Công văn số: 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao "V/v hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015" để áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243 – BLHS năm 2015 về tội Hủy hoại rừng (có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm) theo hướng có lợi cho bị cáo.

Đối với hành vi cho Hoàng P thuê đất của Điểu T, quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã tiến hành điều tra làm rõ nhưng chưa đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của Điểu T nên tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau khi có căn cứ.

Đối với hành vi của Đoàn Thị D, Nguyễn Xuân H đã được xử lý bằng bản án hình sự sơ thẩm số 26/2012/HSST ngày 26/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện

Tuy Đức và bản án hình sự phúc thẩm số 85/2012/HSPT ngày 29/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Đối với hành vi của Hoàng P đã được xử lý bằng bản án hình sự sơ thẩm số 17/2013/HSST ngày 24/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2012/HSST ngày 26/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức và bản án hình sự phúc thẩm số 85/2012/HSPT ngày 29/8/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo Đoàn Văn Đ phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn Đ phạm tội "Hủy hoại rừng".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự. Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 và điểm đ khoản 2 Điều 243 – BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Đ 02 (hai) năm tù, trừ đi thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2010 đến ngày 25/5/2010. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 25/7/2017.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 – BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14: Buộc bị cáo Đoàn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo Đoàn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại chính quyền địa phường và nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đăk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện. Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Tiến Thọ